

**DANH SÁCH CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP
KHÓA 2016 CAO ĐẲNG VÀ CÁC KHÓA CŨ
THÁNG 12 NĂM 2019**

STT	Họ và tên	Lớp học	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số ký hiệu bằng	Số quyết định	SỐ VÀO SỐ	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận (Ghi rõ họ và tên)	Lấn tay
1	Phạm Văn Thủy	13CD-CK1	12/01/1995	Nam	Kinh	Bình Phước	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1118844	1546/QĐ-LTT-ĐT ngày 14/12/2019	10818	03/01/2020			
2	Trần Khang Vinh	15CD-CTM1	01/10/1996	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1118845	1546/QĐ-LTT-ĐT ngày 14/12/2019	10819	03/01/2020			
3	Nguyễn Phước Huy	15CD-CTM2	11/12/1997	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1118846	1546/QĐ-LTT-ĐT ngày 14/12/2019	10820	03/01/2020			
4	Phạm Tấn Nhiều	15CD-CTM2	15/4/1997	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1118847	1546/QĐ-LTT-ĐT ngày 14/12/2019	10821	03/01/2020			
5	Lâm Hoàng Tâm	15CD-CTM2	26/10/1997	Nam	Kinh	Long An	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1118848	1546/QĐ-LTT-ĐT ngày 14/12/2019	10822	03/01/2020			
6	Đinh Viết Lượng	15CD-CTM5	09/9/1996	Nam	Kinh	Bình Phước	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1118849	1546/QĐ-LTT-ĐT ngày 14/12/2019	10823	03/01/2020			
7	Đặng Đình Phạm Nam	15CD-CTM5	11/6/1997	Nam	Kinh	Lâm Đồng	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1118850	1546/QĐ-LTT-ĐT ngày 14/12/2019	10824	03/01/2020			
8	Nguyễn Trọng Trí	15CD-CTM5	12/8/1997	Nam	Kinh	Bình Định	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1118851	1546/QĐ-LTT-ĐT ngày 14/12/2019	10825	03/01/2020			
9	Nguyễn Trần Thanh Nhân	15CD-ĐCN4	01/01/1997	Nam	Kinh	Kiên Giang	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1118852	1546/QĐ-LTT-ĐT ngày 14/12/2019	10826	03/01/2020			
10	Trần Phan Quang Duy	15CD-Ô5	15/8/1997	Nam	Kinh	Bình Thuận	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118853	1546/QĐ-LTT-ĐT ngày 14/12/2019	10827	03/01/2020			
11	Nguyễn Tuyền	15CD-Ô6	06/5/1996	Nam	Kinh	Tây Ninh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118854	1546/QĐ-LTT-ĐT ngày 14/12/2019	10828	03/01/2020			

STT	Họ và tên		Lớp học	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số ký hiệu bằng	Số quyết định	SỐ VÀO SỐ	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận (Ghi rõ họ và tên)	Lấn tay
12	Huỳnh Văn	Úc	16CD-CĐT1	21/7/1998	Nam	Kinh	Bình Thuận	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1118855	1546/QĐ-LTT-ĐT ngày 14/12/2019	10829	03/01/2020			
13	Mai Tuấn	Anh	16CD-CTM1	24/8/1998	Nam	Kinh	Đồng Nai	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1118856	1546/QĐ-LTT-ĐT ngày 14/12/2019	10830	03/01/2020			
14	Nguyễn Chí	Bình	16CD-CTM1	02/8/1996	Nam	Kinh	Tiền Giang	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1118857	1546/QĐ-LTT-ĐT ngày 14/12/2019	10831	03/01/2020			
15	Lý Xướng	Chăn	16CD-CTM1	14/6/1998	Nam	Kinh	Bình Thuận	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1118858	1546/QĐ-LTT-ĐT ngày 14/12/2019	10832	03/01/2020			
16	Nguyễn Hoàng Ngân	Giang	16CD-CTM1	30/9/1998	Nam	Kinh	Bình Thuận	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1118859	1546/QĐ-LTT-ĐT ngày 14/12/2019	10833	03/01/2020			
17	Vũ Phúc	Hậu	16CD-CTM1	21/3/1998	Nam	Kinh	Sóc Trăng	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1118861	1546/QĐ-LTT-ĐT ngày 14/12/2019	10834	03/01/2020			
18	Lê Phước	Hung	16CD-CTM1	03/8/1998	Nam	Kinh	Long An	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1118862	1546/QĐ-LTT-ĐT ngày 14/12/2019	10835	03/01/2020			
19	Bùi Duy	Khương	16CD-CTM1	10/7/1998	Nam	Kinh	Long An	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1118863	1546/QĐ-LTT-ĐT ngày 14/12/2019	10836	03/01/2020			
20	Đỗ Phước	Lợi	16CD-CTM1	06/9/1998	Nam	Kinh	Tây Ninh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1118864	1546/QĐ-LTT-ĐT ngày 14/12/2019	10837	03/01/2020			
21	Đỗ Văn	Lực	16CD-CTM1	22/7/1997	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1118865	1546/QĐ-LTT-ĐT ngày 14/12/2019	10838	03/01/2020			
22	Phạm Văn	Ngọc	16CD-CTM1	24/6/1998	Nam	Kinh	Bình Định	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1118866	1546/QĐ-LTT-ĐT ngày 14/12/2019	10839	03/01/2020			
23	Trần Tấn	Phát	16CD-CTM1	21/9/1998	Nam	Kinh	Tây Ninh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1118867	1546/QĐ-LTT-ĐT ngày 14/12/2019	10840	03/01/2020			
24	Nguyễn Hồng	Son	16CD-CTM1	09/9/1998	Nam	Kinh	Long An	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1118868	1546/QĐ-LTT-ĐT ngày 14/12/2019	10841	03/01/2020			
26	Nguyễn Văn	Tranh	16CD-CTM1	03/02/1998	Nam	Kinh	Đắk Lắk	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1118869	1546/QĐ-LTT-ĐT ngày 14/12/2019	10842	03/01/2020			
25	Phan Công	Ty	16CD-CTM1	20/7/1998	Nam	Kinh	Bình Định	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1118870	1546/QĐ-LTT-ĐT ngày 14/12/2019	10843	03/01/2020			

STT	Họ và tên	Lớp học	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số ký hiệu bằng	Số quyết định	SỐ VÀO SỐ	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận (Ghi rõ họ và tên)	Lấn tay
27	Bùi Ngọc Vinh	16CD-CTM1	19/6/1998	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1118871	1546/QĐ-LTT-ĐT ngày 14/12/2019	10844	03/01/2020			
28	Nguyễn Văn An	16CD-CTM2	23/10/1998	Nam	Kinh	Long An	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1118872	1546/QĐ-LTT-ĐT ngày 14/12/2019	10845	03/01/2020			
29	Võ Chí Bảo	16CD-CTM2	24/02/1998	Nam	Kinh	Bình Định	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1118873	1546/QĐ-LTT-ĐT ngày 14/12/2019	10846	03/01/2020			
30	Nguyễn Ngọc Bình	16CD-CTM2	03/11/1998	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1118874	1546/QĐ-LTT-ĐT ngày 14/12/2019	10847	03/01/2020			
31	Từ Quốc	16CD-CTM2	18/01/1998	Nam	Kinh	Lâm Đồng	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1118875	1546/QĐ-LTT-ĐT ngày 14/12/2019	10848	03/01/2020			
32	Trần Văn Hoàng	16CD-CTM2	24/6/1998	Nam	Kinh	Đắk Lắk	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1118876	1546/QĐ-LTT-ĐT ngày 14/12/2019	10849	03/01/2020			
33	Bùi Thanh Phúc	16CD-CTM2	23/5/1998	Nam	Kinh	Bà Rịa-Vũng Tàu	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1118877	1546/QĐ-LTT-ĐT ngày 14/12/2019	10850	03/01/2020			
34	Lê Ngọc Vinh	16CD-CTM2	06/11/1998	Nam	Kinh	Khánh Hoà	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1118878	1546/QĐ-LTT-ĐT ngày 14/12/2019	10851	03/01/2020			
35	Nguyễn Hoài Hưng	16CD-CTM3	02/9/1998	Nam	Kinh	Bình Thuận	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1118879	1546/QĐ-LTT-ĐT ngày 14/12/2019	10852	03/01/2020			
36	Bùi Quốc Cường	16CD-CTM4	11/12/1998	Nam	Kinh	Tiền Giang	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1118880	1546/QĐ-LTT-ĐT ngày 14/12/2019	10853	03/01/2020			
37	Phạm Văn Giàu	16CD-CTM4	08/11/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1118881	1546/QĐ-LTT-ĐT ngày 14/12/2019	10854	03/01/2020			
38	Võ Văn Hạ	16CD-CTM4	28/6/1998	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1118882	1546/QĐ-LTT-ĐT ngày 14/12/2019	10855	03/01/2020			
39	Trương Vũ Hải	16CD-CTM4	09/9/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1118883	1546/QĐ-LTT-ĐT ngày 14/12/2019	10856	03/01/2020			
40	Mai Đức Nhật	16CD-CTM4	14/4/1998	Nam	Kinh	Kiên Giang	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1118884	1546/QĐ-LTT-ĐT ngày 14/12/2019	10857	03/01/2020			
41	Trần Huy Phúc	16CD-CTM4	16/10/1998	Nam	Kinh	Trà Vinh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1118885	1546/QĐ-LTT-ĐT ngày 14/12/2019	10858	03/01/2020			

STT	Họ và tên	Lớp học	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số ký hiệu bằng	Số quyết định	SỐ VÀO SỐ	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận (Ghi rõ họ và tên)	Lấn tay
42	Đinh Hữu Tài	16CD-CTM4	22/7/1998	Nam	Kinh	Bình Thuận	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1118886	1546/QĐ-LTT-ĐT ngày 14/12/2019	10859	03/01/2020			
43	Huỳnh Thế Vương	16CD-CTM4	28/11/1998	Nam	Kinh	Bình Định	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1118887	1546/QĐ-LTT-ĐT ngày 14/12/2019	10860	03/01/2020			
44	Lê Hồ Hoài Bảo	16CD-CTM5	09/12/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1118888	1546/QĐ-LTT-ĐT ngày 14/12/2019	10861	03/01/2020			
45	Trần Quang Kiệt	16CD-CTM5	23/6/1996	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1118889	1546/QĐ-LTT-ĐT ngày 14/12/2019	10862	03/01/2020			
47	Nguyễn Tấn Lộc	16CD-CTM5	23/12/1998	Nam	Kinh	Tiền Giang	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1118890	1546/QĐ-LTT-ĐT ngày 14/12/2019	10863	03/01/2020			
46	Nguyễn Văn Long	16CD-CTM5	02/6/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1118891	1546/QĐ-LTT-ĐT ngày 14/12/2019	10864	03/01/2020			
48	Lê Thành Nhơn	16CD-CTM5	12/12/1998	Nam	Kinh	Bình Định	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1118892	1546/QĐ-LTT-ĐT ngày 14/12/2019	10865	03/01/2020			
49	Trương Hoài Thanh	16CD-CTM5	22/01/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1118893	1546/QĐ-LTT-ĐT ngày 14/12/2019	10866	03/01/2020			
50	Lê Thanh Trúc	16CD-CTM5	08/7/1996	Nam	Kinh	Bà Rịa-Vũng Tàu	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1118894	1546/QĐ-LTT-ĐT ngày 14/12/2019	10867	03/01/2020			
51	Nguyễn Trọng Nghĩa	16CD-ĐCN2	26/01/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1118895	1546/QĐ-LTT-ĐT ngày 14/12/2019	10868	03/01/2020			
52	Phan Minh Triều	16CD-ĐCN2	06/5/1997	Nam	Kinh	Đồng Nai	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1118896	1546/QĐ-LTT-ĐT ngày 14/12/2019	10869	03/01/2020			
53	Nguyễn Tuấn Vũ	16CD-ĐCN5	05/11/1998	Nam	Kinh	Kiên Giang	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1118897	1546/QĐ-LTT-ĐT ngày 14/12/2019	10870	03/01/2020			
54	Huỳnh Ngọc Khánh	16CD-ĐL1	30/3/1998	Nam	Kinh	Bình Thuận	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Trung bình	CQ	B1118898	1546/QĐ-LTT-ĐT ngày 14/12/2019	10871	03/01/2020			
55	Huỳnh Văn Bình	16CD-Ô2	11/01/1998	Nam	Kinh	Bến Tre	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118899	1546/QĐ-LTT-ĐT ngày 14/12/2019	10872	03/01/2020			
56	Nguyễn Hữu Đạt	16CD-Ô2	31/01/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118900	1546/QĐ-LTT-ĐT ngày 14/12/2019	10873	03/01/2020			

STT	Họ và tên	Lớp học	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số ký hiệu bằng	Số quyết định	SỐ VÀO SỐ	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận (Ghi rõ họ và tên)	Lấn tay
57	Phan Văn Hào	16CD-Ô2	20/7/1998	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118901	1546/QĐ-LTT-ĐT ngày 14/12/2019	10874	03/01/2020			
58	Phạm Xuân Hoàng	16CD-Ô2	23/9/1996	Nam	Kinh	Bà Rịa-Vũng Tàu	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118902	1546/QĐ-LTT-ĐT ngày 14/12/2019	10875	03/01/2020			
59	Trần Hữu Hoàng Minh	16CD-Ô2	08/01/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118903	1546/QĐ-LTT-ĐT ngày 14/12/2019	10876	03/01/2020			
60	Nguyễn Văn Tiến	16CD-Ô2	10/02/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118904	1546/QĐ-LTT-ĐT ngày 14/12/2019	10877	03/01/2020			
61	Trương Hoài Vũ	16CD-Ô4	29/5/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118905	1546/QĐ-LTT-ĐT ngày 14/12/2019	10878	03/01/2020			
62	Nguyễn Thành Sang	16CD-Ô5	02/11/1998	Nam	Kinh	Bến Tre	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118906	1546/QĐ-LTT-ĐT ngày 14/12/2019	10879	03/01/2020			
63	Trương Quang Duy	16CD-Ô6	05/11/1997	Nam	Kinh	Bà Rịa-Vũng Tàu	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118907	1546/QĐ-LTT-ĐT ngày 14/12/2019	10880	03/01/2020			
64	Nguyễn Trọng Hiếu	16CD-Ô7	01/8/1998	Nam	Kinh	Tây Ninh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118908	1546/QĐ-LTT-ĐT ngày 14/12/2019	10881	03/01/2020			
65	Nguyễn Hoàng Tuấn	16CD-Ô7	19/4/1996	Nam	Kinh	Bà Rịa-Vũng Tàu	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118909	1546/QĐ-LTT-ĐT ngày 14/12/2019	10882	03/01/2020			
66	Vũ Nguyễn Trường Chinh	16CD-Ô8	27/8/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Khá	CQ	B1118910	1546/QĐ-LTT-ĐT ngày 14/12/2019	10883	03/01/2020			
67	Nguyễn Tấn Dực	16CD-Ô8	27/11/1997	Nam	Kinh	Bình Định	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118911	1546/QĐ-LTT-ĐT ngày 14/12/2019	10884	03/01/2020			
68	Huỳnh Nhật Nam	16CD-Ô8	04/10/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118912	1546/QĐ-LTT-ĐT ngày 14/12/2019	10885	03/01/2020			
69	Lý Thanh Nhân	16CD-Ô8	28/02/1997	Nam	Kinh	An Giang	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118913	1546/QĐ-LTT-ĐT ngày 14/12/2019	10886	03/01/2020			
70	Nguyễn Thanh Phong	16CD-Ô8	01/01/1997	Nam	Kinh	Bến Tre	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118914	1546/QĐ-LTT-ĐT ngày 14/12/2019	10887	03/01/2020			
71	Lê Hoàng Phúc	16CD-Ô8	19/01/1998	Nam	Kinh	An Giang	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118915	1546/QĐ-LTT-ĐT ngày 14/12/2019	10888	03/01/2020			

STT	Họ và tên	Lớp học	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số ký hiệu bằng	Số quyết định	SỐ VÀO SỐ	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận (Ghi rõ họ và tên)	Lấn tay
72	Đặng Lê Chí Thanh	16CD-Ô8	07/02/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118916	1546/QĐ-LTT-ĐT ngày 14/12/2019	10889	03/01/2020			
73	Lê Văn Thành	16CD-Ô8	01/7/1998	Nam	Kinh	Kiên Giang	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118917	1546/QĐ-LTT-ĐT ngày 14/12/2019	10890	03/01/2020			
74	Nguyễn Thành Danh	16CD-Ô9	24/01/1998	Nam	Kinh	Đồng Nai	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118918	1546/QĐ-LTT-ĐT ngày 14/12/2019	10891	03/01/2020			
75	Ngô Trục Nhân	16CD-Ô10	03/7/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118919	1546/QĐ-LTT-ĐT ngày 14/12/2019	10892	03/01/2020			
76	Bùi Sỹ Vinh	16CD-Ô10	11/3/1997	Nam	Kinh	An Giang	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118920	1546/QĐ-LTT-ĐT ngày 14/12/2019	10893	03/01/2020			
77	Nguyễn Hữu Thành Danh	16CD-TM1	10/12/1997	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1118921	1546/QĐ-LTT-ĐT ngày 14/12/2019	10894	03/01/2020			
78	Dương Quang Huy	16CD-TP1	22/12/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1118922	1546/QĐ-LTT-ĐT ngày 14/12/2019	10895	03/01/2020			
79	Đặng Hoàng Trung Kiên	16CD-TP1	14/12/1998	Nam	Kinh	Long An	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1118923	1546/QĐ-LTT-ĐT ngày 14/12/2019	10896	03/01/2020			
80	Đoàn Đặng Nam	16CD-TP1	10/6/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1118924	1546/QĐ-LTT-ĐT ngày 14/12/2019	10897	03/01/2020			
81	Đào Nguyễn Trọng Nghĩa	16CD-TP1	25/01/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1118925	1546/QĐ-LTT-ĐT ngày 14/12/2019	10898	03/01/2020			
82	Nguyễn Thị Kim Uyên	16CD-TP1	20/6/1996	Nữ	Kinh	Bình Thuận	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1118926	1546/QĐ-LTT-ĐT ngày 14/12/2019	10899	03/01/2020			

Tổng cộng danh sách có 82 sinh viên

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2020
HIỆU TRƯỞNG